

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH BẮC KẠN**

Số: 15/2018/NQ-HĐND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bắc Kạn, ngày 17 tháng 7 năm 2018

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công
thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC KẠN
KHÓA IX, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản tại cơ quan Đảng Cộng sản Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 167/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2017 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ quy định trình tự, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân;

Xét Tờ trình số 60/TTr-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.
3. Nghị quyết này thay thế Nghị quyết số 03/2014/NQ-HĐND ngày 29 tháng 4 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn về việc quy định phân

cấp thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê, thu hồi, điều chuyển, bán, thanh lý, tiêu hủy tài sản nhà nước tại cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh Bắc Kạn.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn khoá IX, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 17 tháng 7 năm 2018 và có hiệu lực từ ngày 27 tháng 7 năm 2018./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- VPQH, VPCP, VPCTN;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- TT Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh Bắc Kạn;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- UBMTTQVN tỉnh và các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Trung tâm Công-báo - Tin học tỉnh;
- TT Huyện (Thành) uỷ, HĐND, UBND, UBMTTQVN các huyện, thành phố;
- LĐVP;
- Phòng TH;
- Lưu: VT, HS.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH BẮC KẠN Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Phân cấp quản lý, sử dụng tài sản công thuộc phạm vi
quản lý của tỉnh Bắc Kạn**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số: 15/2018/NQ - HĐND ngày 17 tháng 7
năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Kạn)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này phân cấp thẩm quyền quản lý, sử dụng tài sản công tại cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội, Văn phòng huyện ủy, thành ủy; phân cấp thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản phục vụ hoạt động của dự án sử dụng vốn nhà nước; phân cấp thẩm quyền quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất do sắp xếp lại, xử lý nhà, đất; phân cấp thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan nhà nước;
2. Đơn vị sự nghiệp công lập;
3. Văn phòng huyện ủy, thành ủy là đơn vị dự toán thuộc ngân sách nhà nước cấp huyện;
4. Tổ chức chính trị - xã hội; tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp; tổ chức chính trị xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về Hội;
5. Doanh nghiệp, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến quản lý, sử dụng tài sản công.

Chương II
**PHÂN CẤP THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI
CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC, ĐƠN VỊ**

Mục 1

**THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
TẠI CƠ QUAN NHÀ NƯỚC**

Điều 3. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công (không bao gồm mua sắm tài sản công trong trường hợp phải lập thành dự án đầu tư):

1. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định mua sắm theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý.

b) Tài sản khác có giá trị mua sắm từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản hoặc lô tài sản, hàng hóa, dịch vụ cho 01 lần mua sắm.

Việc mua sắm tài sản công có giá trị dự toán từ 02 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản, xe ô tô các loại: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định.

2. Đối với việc mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này được thực hiện như sau:

a) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

- Quyết định mua sắm tài sản hàng hóa, dịch vụ của đơn vị mình;

- Quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho 01 lần mua sắm của đơn vị trực thuộc.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện Quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng cho 01 lần mua sắm.

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Thủ trưởng các cơ quan tổ chức, đơn vị thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện; Thủ trưởng các đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh quyết định mua sắm tài sản, hàng hóa, dịch vụ có giá trị dưới 100 triệu đồng cho 01 lần mua sắm.

Điều 4. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc thuê trụ sở làm việc và tài sản khác trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với trường hợp giá dự toán từ 100 triệu đồng trở lên cho cả thời gian thuê để phục vụ hoạt động của các cơ quan nhà nước.

Việc thuê tài sản có giá dự toán từ 200 triệu đồng trở lên cho cả thời gian thuê: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định thuê tài sản trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này để phục vụ hoạt động chuyên môn của đơn vị mình và đơn vị dự toán trực thuộc trong nguồn kinh phí được giao.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định việc thuê trụ sở làm việc và các tài sản khác để phục vụ hoạt động chuyên môn của các cơ quan nhà nước thuộc cấp huyện quản lý (gồm cả cấp xã) trong nguồn kinh phí được giao trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 5. Thẩm quyền quyết định thu hồi tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thu hồi tài sản của các cơ quan nhà nước thuộc địa phương quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại.

Việc thu hồi nhà, đất là trụ sở làm việc cũ của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sau khi đã được Nhà nước giao trụ sở làm việc khác hoặc được đầu tư xây dựng trụ sở làm việc tại địa điểm mới: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định.

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thu hồi tài sản trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này đối với tài sản của cơ quan nhà nước cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định thu hồi tài sản trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch đối với:

a) Tài sản khác trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này của các cơ quan nhà nước thuộc phạm vi quản lý (gồm cả cấp xã);

b) Kiến nghị người có thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này (qua Sở Tài chính) quyết định thu hồi những tài sản của cơ quan nhà nước thuộc cấp tỉnh quản lý đặt tại cấp huyện bị sử dụng sai mục đích, sai chế độ nhà nước quy định.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với các trường hợp:

a) Tài sản là trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại sau khi xin ý kiến của thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định điều chuyển tài sản trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này theo đề nghị của thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện có liên quan, trong các trường hợp sau:

a) Giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh;

b) Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh quản lý sang cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện quản lý (gồm cả cấp xã) và ngược lại;

c) Từ cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện này (bao gồm cả cấp xã) sang cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp huyện khác (bao gồm cả cấp xã).

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản công trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, giữa các đơn vị thuộc phạm vi quản lý;

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định điều chuyển tài sản công trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này, giữa các cơ quan cấp huyện; giữa cơ quan cấp huyện với cấp xã và ngược lại; giữa cấp xã với nhau thuộc phạm vi quản lý.

Điều 7. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán tài sản công của các cơ quan nhà nước thuộc tỉnh quản lý trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với:

a) Trụ sở làm việc, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô các loại;

b) Tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

Việc bán tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh:

Quyết định bán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định bán tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (gồm cả cấp xã) trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này trên cơ sở đề nghị của Trưởng phòng Tài chính - Kế hoạch.

Điều 8. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thanh lý tài sản công trên cơ sở đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính đối với:

a) Nhà, các tài sản khác có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản;

b) Xe ô tô các loại;

Việc thanh lý tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 01 tỷ đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh trước khi quyết định.

2. Giám đốc Sở Tài chính quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan nhà nước cấp tỉnh đối với nhà, các tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

3. Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh Quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trừ tài sản quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện:

Quyết định thanh lý tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý (gồm cả cấp xã) đối với:

a) Nhà, các tài sản khác gắn liền với đất có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản;

b) Tài sản khác trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 100 triệu đồng đến dưới 500 triệu đồng trên 01 đơn vị tài sản.

5. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã; Người đứng đầu đơn vị trực thuộc các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Người đứng đầu các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện: Quyết định thanh lý tài sản công do cơ quan, tổ chức, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng đối với tài sản cố định khác trừ tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này có nguyên giá theo sổ sách kế toán dưới 100 triệu đồng trên 01 đơn vị một tài sản.

Điều 9. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy tài sản công

1. Đối với tài sản tịch thu phải tiêu hủy theo quy định của pháp luật thì thực hiện theo các văn bản pháp luật, quy định có liên quan.

2. Đối với tài sản công của các cơ quan, tổ chức, đơn vị phải tiêu hủy:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tiêu hủy theo đề nghị của giám đốc Sở Tài chính đối với xe ô tô các loại, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

b) Thủ trưởng các sở, ban, ngành cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tiêu hủy đối với tài sản trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều này, thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã).

Điều 10. Thẩm quyền quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại theo đề nghị của Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp huyện đối với xe ô tô các loại, tài sản có nguyên giá theo sổ sách kế toán từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản.

2. Thủ trưởng cơ quan nhà nước cấp tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại đối với tài sản trừ trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này, thuộc phạm vi quản lý (bao gồm cả cấp xã).

Mục 2
THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG
TẠI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP

Điều 11. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện như phân cấp thẩm quyền đối với cơ quan nhà nước quy định tại Điều 3 của Quy định này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định mua sắm tài sản (*trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định*) từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để mua sắm tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định mua sắm tài sản thực hiện như quy định tại Điều 3 của Quy định này.

Điều 12. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định thuê tài sản tại đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện như phân cấp thẩm quyền đối với cơ quan nhà nước quy định tại Điều 4 của Quy định này, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập tự đảm bảo chi thường xuyên và chi đầu tư quyết định thuê tài sản từ Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp và nguồn vốn vay, vốn huy động theo chế độ quy định để phục vụ cho các hoạt động sự nghiệp và hoạt động kinh doanh của đơn vị.

3. Trường hợp đơn vị sự nghiệp công lập sử dụng nhiều nguồn vốn để thuê tài sản, trong đó có nguồn ngân sách nhà nước thì thẩm quyền quyết định thuê tài sản thực hiện như quy định tại Điều 4 của Quy định này.

Điều 13. Thẩm quyền thu hồi, điều chuyển tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

Thẩm quyền thu hồi, điều chuyển tài sản công thực hiện như phân cấp thẩm quyền đối với cơ quan nhà nước quy định tại Điều 5 và Điều 6 của Quy định này.

Điều 14. Thẩm quyền bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định bán tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập, thực hiện như phân cấp thẩm quyền đối với cơ quan nhà nước quy định tại Điều 7 của Quy định này trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định bán tài sản được hình thành từ nguồn Quỹ phát triển hoạt động sự nghiệp hoặc từ nguồn vốn vay, vốn huy động theo quy định (*trừ cơ sở hoạt động sự nghiệp, xe ô tô*).

Điều 15. Thẩm quyền thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại tại đơn vị sự nghiệp công lập

1. Thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản công là nhà làm việc, công trình sự nghiệp, tài sản khác gắn liền với đất, xe ô tô, tài sản có nguyên giá từ 500 triệu đồng trở lên trên 01 đơn vị tài sản thực hiện như phân cấp thẩm quyền đối với cơ quan nhà nước quy định tại khoản 1 Điều 8 Quy định này. Người đứng đầu đơn vị sự nghiệp công lập quyết định thanh lý đối với các tài sản khác.

2. Thẩm quyền quyết định tiêu hủy, xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại thực hiện như phân cấp thẩm quyền đối với cơ quan nhà nước quy định tại Điều 9 và Điều 10 của Quy định này.

Mục 3

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG TÀI SẢN CÔNG TẠI TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ - XÃ HỘI; TỔ CHỨC CHÍNH TRỊ XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC XÃ HỘI, TỔ CHỨC XÃ HỘI - NGHỀ NGHIỆP, TỔ CHỨC KHÁC ĐƯỢC THÀNH LẬP THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VỀ HỘI

Điều 16. Thẩm quyền quyết định quản lý, sử dụng, xử lý tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội

1. Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị - xã hội được thực hiện như phân cấp thẩm quyền đối với cơ quan nhà nước quy định tại Mục 1 Chương II của Quy định này.

2. Thẩm quyền quyết định việc quản lý, sử dụng tài sản công tại đơn vị sự nghiệp công lập thuộc tổ chức chính trị - xã hội thực hiện như phân cấp thẩm quyền đối với đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại Mục 2 Chương II của Quy định này.

Điều 17. Quản lý, sử dụng tài sản công tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội:

Thẩm quyền quyết định việc phân cấp quản lý, sử dụng đối với trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp được Nhà nước giao hoặc được hình thành từ ngân sách nhà nước tại tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức khác được thành lập theo quy định của pháp luật về hội được thực hiện theo quy định tại Mục 1 Chương II của Quy định này.

Mục 4

THẨM QUYỀN QUẢN LÝ, SỬ DỤNG, XỬ LÝ TÀI SẢN CÔNG TẠI VĂN PHÒNG THÀNH ỦY, HUYỆN ỦY

Điều 18. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản, thu hồi, điều chuyển, thanh lý, bán, tiêu hủy tài sản tại Văn phòng Thành Ủy, Huyện Ủy.

1. Thẩm quyền quyết định mua sắm, thuê tài sản từ nguồn ngân sách nhà nước giao phục vụ hoạt động của Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy thực hiện theo quy định tại Điều 3, Điều 4 Chương II Quy định này.

2. Thẩm quyền thu hồi tài sản được Nhà nước giao bằng hiện vật và tài sản được đầu tư xây dựng, mua sắm từ ngân sách nhà nước tại Văn phòng Thành ủy, Huyện ủy thực hiện theo quy định tại Điều 5 Chương II Quy định này.

3. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản công trong các trường hợp trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 25 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 6 Chương II Quy định này.

4. Thẩm quyền quyết định bán, thanh lý tài sản công trong các trường hợp trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 26, các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 27 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 7, Điều 8, Chương II Quy định này.

5. Thẩm quyền quyết định việc tiêu hủy và xử lý tài sản công trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại trừ trường hợp quy định tại các điểm a, b và c khoản 2 Điều 28 và các điểm a, b và c khoản 2 Điều 29 Nghị định số 165/2017/NĐ-CP ngày 31/12/2017 của Chính phủ thực hiện theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Chương II Quy định này.

Chương III

PHÂN CẤP THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC; THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT, CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT DO SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT; THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Mục 1

THẨM QUYỀN PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN PHỤC VỤ HOẠT ĐỘNG CỦA DỰ ÁN SỬ DỤNG VỐN NHÀ NƯỚC

Điều 19. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển tài sản; bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý.

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án điều chuyển tài sản; bán, thanh lý, tiêu hủy, xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại của các dự án sử dụng vốn nhà nước thuộc địa phương quản lý thực hiện theo quy định tại Mục 1, Chương II Quy định này.

2. Riêng thẩm quyền quyết định xử lý tài sản theo hình thức khác quy định tại khoản 6 Điều 91 Nghị định 151/2017/NĐ-CP được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Mục 2

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH BÁN ĐẤU GIÁ TÀI SẢN TRÊN ĐẤT, CHUYỂN NHƯỢNG QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT DO SẮP XẾP LẠI, XỬ LÝ NHÀ, ĐẤT

Điều 20. Thẩm quyền quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất do sắp xếp lại, xử lý nhà, đất.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định bán đấu giá tài sản trên đất, chuyển nhượng quyền sử dụng đất đối với nhà, đất do cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thuộc địa phương quản lý sau khi xin ý kiến của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

Mục 3

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN VỀ TÀI SẢN VÀ PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN ĐƯỢC XÁC LẬP QUYỀN SỞ HỮU TOÀN DÂN

Điều 21. Thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản trên cơ sở đề nghị của đơn vị chủ trì xử lý tài sản đối với:

a) Tài sản bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm; bất động sản vô chủ; bất động sản không có người thừa kế; tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa;

b) Tài sản là nhà; đất; xe ô tô do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của tỉnh;

c) Tài sản do doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết sau khi kết thúc thời hạn hoạt động;

d) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giải thể;

đ) Tài sản là nhà; đất; xe ô tô của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền.

e) Tài sản chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án đối tác công tư đối với trường hợp cơ quan ký hợp đồng dự án thuộc địa phương quản lý.

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện, thành phố quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với:

a) Tài sản của quỹ xã hội, tài sản của quỹ từ thiện do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định giải thể theo ủy quyền (*trừ tài sản là nhà, đất; xe ô tô*).

b) Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho các cơ quan, tổ chức, đơn vị, các xã, phường, thị trấn thuộc phạm vi quản lý của cấp huyện (*trừ tài sản là nhà, đất; xe ô tô*).

c) Tài sản bị đánh rơi, bỏ quên (*trừ tài sản bị đánh rơi, bỏ quên là di tích lịch sử - văn hóa*); di sản không người thừa kế (*trừ bất động sản*).

3. Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị cấp tỉnh và tương đương quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản đối với: Tài sản do tổ chức, cá nhân chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước Việt Nam chuyển giao cho cơ quan mình và các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý (*trừ các tài sản là nhà, đất; xe ô tô*).

Điều 22. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

1. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là tang vật, phương tiện vi phạm hành chính do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc tỉnh quyết định tịch thu:

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với tài sản là nhà, đất; xe ô tô.

b) Thủ trưởng cơ quan, đơn vị trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh ra quyết định tịch thu; Thủ trưởng cơ quan, đơn vị cấp tỉnh ra quyết định tịch thu tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, thì quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản (*trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này*).

c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt phương án xử lý đối với: Tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định tịch thu (*trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này*).

2. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là vật chứng vụ án, tài sản của người bị kết án tịch thu theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05/3/2018 của Chính phủ.

a) Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với: Tài sản là nhà, đất; xe ô tô.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện, thành phố quyết định phê duyệt phương án xử lý đối với: Các tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp huyện ra quyết định kết án, tịch thu (*trừ tài sản là nhà, đất; xe ô tô*).

c) Giám đốc Sở Tài chính quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản do cơ quan, người có thẩm quyền thuộc cấp tỉnh ra quyết định kết án, tịch thu (*trừ tài sản là nhà, đất; xe ô tô*).

3. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản là bất động sản vô chủ, tài sản không xác định được chủ sở hữu, tài sản bị đánh rơi, bị bỏ quên, tài sản

bị chôn, giấu, bị vùi lấp, chìm đắm được tìm thấy, di sản không có người nhận thừa kế: Người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thì có quyền quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính đồng cấp theo quy định tại điểm c khoản 3 Điều 19 Nghị định số 29/2018/NĐ-CP ngày 05 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ.

4. Thẩm quyền phê duyệt phương án xử lý tài sản của quỹ bị giải thể; tài sản do các tổ chức cá nhân tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho nhà nước, cơ quan, tài sản do Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài chuyển giao không bồi hoàn cho Nhà nước Việt Nam theo cam kết; tài sản được đầu tư theo hình thức đối tác công tư được chuyển giao cho Nhà nước Việt Nam theo hợp đồng dự án: Người có thẩm quyền xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản thì có quyền quyết định phương án xử lý tài sản sau khi có ý kiến thống nhất của cơ quan tài chính đồng cấp.

Chương IV **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 23. Trong quá trình tổ chức thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Du